

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2018/HS-ST

Ngày 07/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nhâm Đức Hùng**

2/ Bà **Huỳnh Phương Lan**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Lý Thanh Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 68/2018/HSST ngày 17 tháng 10 năm 2018, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/QĐXX-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Trung T; sinh năm 1980; Nơi cư trú: ấp SĐ, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Công L (chết) và bà Lê Thị N; sinh năm 1935; Chồng tên Từ Anh K; sinh năm 1978 (đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại để điều tra, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh **Tăng T**; sinh năm 1990 (có mặt)

HKTT: ấp SĐ, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị **Huỳnh Thị Trúc L**; sinh năm 1995 (có mặt).

HKTT: ấp SĐ, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG

2/ Anh **Lâm Bảo S**; sinh năm 1987 (có mặt)

HKTT: KP. MP, TT. ML, huyện CT, tỉnh KG

Người làm chứng: Anh **Châu Ngọc G**; sinh năm 1982 (vắng mặt)

HKTT: ấp SĐ, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ bạn bè với nhau nên vào khoảng 16 giờ 20 phút, ngày 03/7/2018 Nguyễn Thị Trung T đến nhà của vợ chồng anh Tăng T và chị Huỳnh Thị Trúc L trú tại ấp SĐ, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG chơi. Khi đến nơi, T thấy gia đình anh Tăng T có tổ chức uống rượu nên T vào ngồi nói chuyện, không có tham gia uống rượu chung với những người bạn của anh Tăng T. Khi ngồi chơi được một lúc, T hỏi mượn Tăng T chiếc xe mô tô mang BSKS 68C1 – 325.47 (xe do L đứng tên chủ sở hữu) để đi công chuyện thì anh Tăng T đồng ý và đưa chìa khóa xe cho T thì Tr (là em ruột của Tăng T bị bệnh tâm thần) giật chìa khóa lại không cho mượn. Thấy vậy, anh Tăng T kêu Tr vào phòng ngủ được một lúc thì T tiếp tục hỏi anh Tăng T chiếc xe trên rồi đi vào phòng, nơi Tr nằm ngủ lấy chìa khóa xe rồi đi đến nơi đậu xe gần chỗ anh Tăng T đang uống rượu mở khóa xe điều khiển chạy đi. Sau khi mượn được xe, T mang đến cầm cho Lâm Bảo S ở khu phố MP, thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG với số tiền mà T đã nhận 02 lần tổng cộng là 5.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 33 ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND huyện CT, tỉnh KG thể hiện: 01 chiếc xe mô tô hiệu YAMAHA, số loại Sirius, biển số kiểm soát 68C1 – 325.47 có giá trị định giá tại thời điểm là 14.800.000 đồng (Mười bốn triệu tám trăm ngàn đồng)

Sau khi bị chiếm đoạt tài sản, ngày 06 tháng 7 năm 2018 chị Huỳnh Thị Trúc L đến Công an xã VHH, huyện CT trình báo sự việc về hành vi của Nguyễn Thị Trung T, đến ngày 01 tháng 8 năm 2018 Nguyễn Thị Trung T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CT khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với T về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Đối với anh Lâm Bảo S đã nhận cầm 01 chiếc xe mô tô hiệu YAMAHA, số loại Sirius, biển số kiểm soát 68C1 – 325.47 của Nguyễn Thị Trung T mang đến cầm thì anh S hoàn toàn không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CT không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với S là phù hợp.

Về vật chứng trong vụ án: Đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu YAMAHA, số loại Sirius, biển số kiểm soát 68C1 – 325.47, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CT đã thu hồi trả lại cho bị hại anh Tăng T.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án bị phát hiện, bị hại anh Tăng T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu gì thêm, đó không xem xét.

Đối với anh Lâm Bảo S yêu cầu Nguyễn Thị Trung T phải trả lại số tiền dùng để cầm chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 68C1 – 325.47 do T mang đến cầm là 5.000.000 đồng và tiền lãi là 500.000 đồng, tổng cộng là 5.500.000 đồng. T đồng ý trả lại cho anh Sơn nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Tại bản cáo trạng số: 75/CT - VKS – CT ngày 17/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Trung T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị Trung T phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 và Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Trung T** từ 04 đến 05 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX áp dụng Điều 585 và Điều 589 BLDS xử buộc bị cáo Nguyễn Thị Trung T trả lại cho anh Lâm Bảo S số tiền 5.500.000 đồng.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Do có mối quan hệ bạn bè nên vào khoảng 16 giờ 20 phút, ngày 03/7/2018 Nguyễn Thị Trung T lại nhà của anh Tăng T trú tại ấp SD, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG chơi. Khoảng 30 phút sau T hỏi mượn chiếc xe mô tô mang biển số kiểm soát 68C1 – 325.47 của anh Tăng T đi công chuyện thì anh Tăng T đồng ý. Sau khi mượn được xe T chạy đi uống cà phê với bạn, trong lúc uống cà phê do không có tiền tiêu xài nên T đem xe anh Tăng T đến cầm cho anh Lâm Bảo S với giá 5.000.000 đồng đến khi anh Tăng T điện thoại cho T để đòi lại xe thì T không trả. Đối chiếu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS thì “Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) *Mượn tài sản của người khác đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả...*”. Như vậy, việc bị cáo hỏi mượn xe của anh Tăng T nói đi công chuyện rồi sau đó có được xe bị cáo lại nảy sinh ý định chiếm đoạt đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” như đã viện dẫn ở trên.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức được chiếm đoạt tài sản của người khác một cách bất

hợp pháp là hành vi vi phạm pháp luật. Thế nhưng lợi dụng sự quen biết và tin tưởng của bị hại cho bị cáo mượn xe để rồi khi có được xe bị cáo lại nảy sinh ý định chiếm đoạt bằng cách đem xe đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn tạo tâm lý bất an cho người dân, làm mất lòng tin giữa những người thân quen trong cuộc sống nên hành vi cần phải được xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên HĐXX sẽ áp dụng thêm khoản 3 Điều 54 BLHS để xem xét cho bị cáo khi lượng hình là phù hợp.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

5.1 Do sau khi vụ án bị phát hiện người bị hại anh Tăng T đã nhận lại chiếc xe bị chiếm đoạt và anh cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

5.2 Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Bảo S yêu cầu bị cáo trả lại cho anh số tiền mà anh đã bỏ ra cầm xe là 5.000.000 đồng và tiền lãi là 500.000 đồng. Tổng số tiền anh S yêu cầu bị cáo phải bồi thường là 5.500.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh S nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

5.3 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Trúc L không có yêu cầu hay ý kiến gì nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Trung T phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Trung T 04** (bốn) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự áp dụng Điều 585 và Điều 589 BLDS, xử buộc bị cáo Nguyễn Thị Trung T trả lại cho anh Lâm Bảo S số tiền 5.500.000 đồng.

Về áp phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc bị cáo Nguyễn Thị Trung T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo; bị hại và NLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Mai Tấn Đầu